

Số: /BCT-TTBVTV

BÁO CÁO

Tình hình sinh vật gây hại cây trồng

(Từ ngày 12 tháng 9 năm 2022 đến ngày 11 tháng 10 năm 2022)

I. TÌNH HÌNH THỜI TIẾT VÀ CÂY TRỒNG

1. Thời tiết:

Nhiệt độ trung bình: 30⁰C

Cao nhất: 33⁰C

Thấp nhất: 28⁰C

Độ ẩm trung bình:.....

Cao nhất:.....

Thấp nhất:.....

Lượng mưa tổng số:.....

Số giờ nắng tổng số: 07 giờ (09h-15h)

2. Cây trồng và giai đoạn sinh trưởng:

a. Cây lúa:

Vụ	Diện tích KH (ha)	Trà	Giai đoạn sinh trưởng	Diện tích gieo trồng (ha)
Mùa 2022	12.547,5	Sớm	Đẻ nhánh-LĐ	413
		Chính vụ	Mạ-ĐN	10.436,4
Tổng				10.849,4

b. Cây trồng khác:

Nhóm/loại cây	Giai đoạn sinh trưởng	Diện tích Kế hoạch (ha)	Diện tích gieo trồng (ha)
- Ngô (bắp)	Cây con	4.214,1	4.051,6
- Khoai các loại	Cây con	70,8	76,2
- Bobo	Cây con	250	250
- Mì (trồng mới trong vụ)	Cây con	198,5	48,7
- Đậu phộng	Cây con	310	325,4
- Mè	Cây con	83	89
- Cây rau các loại	Cây con	2.700,2	2.531,7
- Cây đậu các loại	Cây con	1.430,4	1.258,6
- Cây ăn quả:			
+ Nho	Lá - trái, chín - TH	1.124,6	
+ Táo	Cắt cành-mang trái-TH	1.010,3	
- Cây hàng năm khác: (cây gia vị, dược liệu, cỏ chăn nuôi,...)	Nhiều GD	1.551,8	1.794,7

II. NHẬN XÉT TÌNH HÌNH SINH VẬT GÂY HẠI TRONG THÁNG

1. Cây Lúa:

- Sâu cuốn lá nhỏ gây hại trên diện tích 05 ha (*mật độ 10-20 con/m²*), giai đoạn làm đòng tại huyện Thuận Bắc.

- Bệnh đốm nâu gây hại trên diện tích 03 ha (*tỷ lệ 5%*), giai đoạn đẻ nhánh tại huyện Bắc Ái.

2. Cây Bắp: Sâu keo mùa thu gây hại trên diện tích 03 ha (*mật độ 2-3con/m²*) tại huyện Ninh Sơn.

3. Cây Nho:

- Bọ trĩ gây hại trên diện tích 15 ha (*tỷ lệ 5-10 %*), phân bố tại huyện Ninh Hải.

- Mốc sương gây hại trên diện tích 17 ha (*tỷ lệ 5-10%*), phân bố tại huyện Ninh Sơn, Ninh Hải và thành phố Phan Rang - Tháp Chàm.

- Thán thư gây hại trên diện tích 08 ha (*tỷ lệ 5-7%*), phân bố tại huyện Ninh Hải và thành phố Phan Rang - Tháp Chàm.

4. Cây Táo:

- Ruồi đục trái gây hại trên diện tích 05 ha (*tỷ lệ 4-5%*), phân bố tại huyện Ninh Phước.

- Sâu đục trái gây hại trên diện tích 03 ha (*tỷ lệ 2-4%*), phân bố tại huyện Ninh Phước.

- Bệnh thối trái gây hại trên diện tích 02 ha (*tỷ lệ 3-5%*), phân bố tại thành phố Phan Rang - Tháp Chàm

5. Rau - đậu các loại: Bệnh thối nhũn/nha đam gây hại 03 ha (*tỷ lệ 3-5%*); Bệnh vàng lá/quê gây hại 02 ha (*tỷ lệ 5-7%*) tại thành phố Phan Rang - Tháp Chàm.

Nhìn chung, trong tháng sinh vật gây hại phát sinh, gây hại ở mức độ nhẹ, nông dân đã chủ động phòng trừ theo hướng dẫn của cán bộ bảo vệ thực vật địa phương.

III. DỰ KIẾN TÌNH HÌNH SINH VẬT GÂY HẠI TRONG THỜI GIAN TỚI

- **Cây Lúa:** Lưu ý đối tượng sâu cuốn lá nhỏ, sâu đục thân,... gây hại giai đoạn đẻ nhánh-làm đòng.

- **Cây Bắp:** Tiếp tục theo dõi sâu keo mùa thu gây hại.

- **Cây Táo:** Lưu ý đối tượng sâu đục trái, ruồi đục trái phát sinh gây hại ở giai đoạn mang trái - thu hoạch.

- **Cây Nho:** Bọ trĩ, bệnh mốc sương và thán thư tiếp tục gây hại giai đoạn cắt cành đến mang trái.

- **Cây Sắn:** Tiếp tục theo dõi bệnh Khảm lá gây hại.

- **Cây Rau, đậu các loại:** Tiếp tục theo dõi SVGH gây hại.

IV. ĐỀ NGHỊ BIỆN PHÁP XỬ LÝ HOẶC CÁC CHỦ TRƯỞNG CẦN TRIỂN KHAI THỰC HIỆN Ở ĐỊA PHƯƠNG

- Thực hiện tốt công tác gieo trồng theo văn bản số 2872/SNNPTNT-TTBVTV, ngày 11/8/2022 của Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn tỉnh Ninh Thuận về việc “*Cơ cấu giống và thời vụ gieo trồng vụ Mùa 2022*”.

- Thực hiện công văn số 413/TTBVTV-BVTV ngày 22/8/2022 về việc “*Hướng dẫn thực hiện công tác Bảo vệ thực vật vụ Mùa 2022*”.

Nơi nhận:

- Trung tâm BVTV miền Trung (b/c);
- Sở NN&PTNT (b/c);
- Lãnh đạo Chi cục (b/c);
- Phòng KT, NN&PTNT các huyện/tp (p/h);
- Các Trạm Trồng trọt và BVTV (t/h);
- Lưu HC, P.BVTV.

**KT.CHI CỤC TRƯỞNG
PHÓ CHI CỤC TRƯỞNG**

Nguyễn Lê

Phụ lục:

DIỆN TÍCH, MẬT ĐỘ VÀ PHÂN BỐ MỘT SỐ ĐỐI TƯỢNG SINH VẬT GÂY HẠI
(Từ ngày 12/9/2022 đến ngày 11/10/2022)

S T T	Tên sinh vật gây hại	GDST của cây trồng	Mật độ, tỷ lệ (con/m ² , %)		Diện tích nhiễm (ha)					Diện tích phòng trừ (ha)	Phân bố
			Phổ biến	Cao	Tổng số	Nhẹ	TB	Nặng	Thiệt hại >70% NS		
I	Cây Lúa				08	08	0	0		08	
1	Sâu cuốn lá nhỏ	Làm đồng	10-20c/m ²		05	05	0	0		05	TB
2	Đốm nâu	ĐN	5%		03	03	0	0		03	BA
II	Cây Bắp				03	03	0	0		03	
1	Sâu keo mùa thu	Cây con	2-4c/m ²		03	03	0	0		03	NS
III	Cây Nho				40	40	0	0		40	
1	Bọ trĩ	Lá, trái	5-10%		15	15	0	0		15	NH
2	Mốc sương	Lá, trái	5-10%		17	17	0	0		17	NS,NH,PR
3	Thán thư	Bông, trái	5-7%		08	08	0	0		08	NH,PR
IV	Cây táo				10	10	0	0		10	
1	Sâu đục trái	Trái	2-4%		03	03	0	0		03	NP
2	Ruồi đục trái	Trái	4-5%		05	05	0	0		05	NP
3	Bệnh thối trái	Trái	3-5%		02	02	0	0		02	PR
IV	Rau, đậu các loại				05	05	0	0		05	
1	Thối nhũn/nha đam	KD	3-5%		03	03	0	0		03	PR
2	Vàng lá/quế	Nhiều GD	5-7%		02	02	0	0		02	PR

Ghi chú: NS, PR, NH, BA, NP, TB: Ninh Sơn, Phan Rang - Tháp Chàm, Ninh Hải, Bác Ái, Ninh Phước, Thuận Bắc